TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/DS-ST
Ngày 16-10-2018
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Văn Minh

2. Ông Võ Hoàng Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thái Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 820/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1960. (Có mặt).

Nơi cư trú: 100E khu dân cư 586, phường A, quận B, thành phố C.

Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1962. (Có mặt).

Cùng cư trú: 71/7 Hai Bà Trưng, phường A, quận B1, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Ngày 22/12/2016, bà có cho bà Trần Thị G mượn 40.000.000 đồng và bà G hứa đóng lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nhưng sau khi nhận tiền xong bà G không đóng lãi, đến khi bà liên hệ đòi thì bà G mới trả được 8.000.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án buộc bà G trả lại số nợ gốc 32.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng kể từ ngày 22/12/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị G trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền và nợ tiền bảo hiểm nhân thọ của bà N tổng số tiền 40.000.000 đồng. Biên nhận ngày 22/12/2016 là do bà viết. Sau khi viết biên nhận bà có trả cho bà N mỗi ngày 200.000 đồng, thời điểm bà bị bệnh thì bà trả mỗi tuần 200.000 đồng. Tổng cộng bà trả cho bà N rất nhiều tiền nhưng không nhớ rõ bao nhiêu (Việc trả tiền cho bà N được thể hiện trong 02 quyển sổ, bà N giữ 01 quyển, bà giữ 01 quyển).

Sau đó, bà với bà N có thỏa thuận bà trả cho bà Nguyệt 10.000.000 đồng, thì bà N sẽ xóa hết nợ cho bà (việc thỏa thuận này không lập thành văn bản). Sau khi thỏa thuận bà đã trả cho bà N 10.000.000 đồng (bà trả trực tiếp 7.000.000 đồng, gửi chị B giữ em kế bên trả 3.000.000 đồng). Sau khi trả hết nợ thì bà đã bỏ quyển sổ trong quá trình dọn nhà, vì bà nghĩ rằng bà N sẽ không kiện bà. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Diễn biến tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà G trả số tiền vay 32.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/12/2016 đến khi xét xử vụ án.

Bà G không đồng ý trả 32.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của bà N; bà đồng ý trả cho bà N thêm 2.000.000 đồng xem như chấm dứt nợ, vì bà N hứa khi bà trả đủ 10.000.000 đồng thì sẽ xóa nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bị đơn bà Trần Thị G cư trú tại quận B1, thành phố C, vay tiền của bà N đến hạn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Bà N nộp đơn khởi kiện vẫn còn trong hạn thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. *Về nội dung tranh chấp:* Bà G không đồng ý trả cho bà N số tiền 32.000.000 đồng, bởi vì theo bà sau khi viết Biên nhận ngày 22/12/2016 bà đã nhiều lần trả tiền cho bà N. Sau đó hai bên có thỏa thuận, bà trả cho bà N 10.000.000 đồng, thì bà N sẽ xóa hết nợ cho bà. Nay bà chỉ đồng ý trả thêm cho bà N 2.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà G không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho việc đã trả hết số nợ cho bà N. Hơn nữa bà N phủ nhận lời trình bày của bà G mà chỉ thừa nhận bà G mới trả được 8.000.000 đồng, mặc dù số tiền này giữa hai bên không có làm biên

nhận. Do đó, việc bà G cho rằng đã trả thanh toán xong số nợ vay cho bà N là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản làm việc ngày 23/8/2018, Biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 và tại phiên tòa bà G thừa nhận Biên nhận ngày 22/12/2016 là do bà viết và nhận số tiền 40.000.000 đồng trên cơ sở thảo thuận giữa các bên.

Đây là sự thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời hạn vay mượn nợ đã lâu nhưng bà G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số nợ 32.000.000 đồng.

[4]. *Về tiền lãi:* Khoảng thời gian bà Gấm vay tiền của bà N từ ngày 22/12/2016 đến nay cũng khá lâu mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, ngoài việc trả nợ gốc bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, như Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là thỏa đáng.

Lãi suất được tính như sau:

Tính từ ngày 22/12/2016 đến ngày 16/10/2018 là 659 ngày.
Vốn 32.000.000 đồng x 0,75%/ tháng x 659 ngày/30 ngày = 5.272.000 đồng.
Vốn cộng lại: 32.000.000 đồng + 5.272.000 đồng = 37.272.000 đồng.

Tổng số tiền bà G phải trả cho bà N là 37.272.000 đồng.

[5]. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7]. *Về tạm ứng án phí:* Bà N được nhận lại 1.105.000 đồng *(Một triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/001591 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 93, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Buộc bà Trần Thị G phải trả cho bà Trần Thị N tổng số tiền 37.272.000 đồng.

Trong đó, tiền vay gốc là 32.000.000 đồng và tiền lãi là 5.272.000 ñoàng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà G chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà G phải nộp 1.863.600 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (địa chỉ số 1A đường Trần Khánh Dư, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).

Về tạm ứng án phí: Bà N được nhận lại 1.105.000 đồng *(Một triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/001591 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Toà án nhân dân Tp. Cần Thơ;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. Ninh Kiều;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Q. Ninh Kiều;*
- *Lưu hồ sơ (15).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Quân